

Số: 2688/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung thị trấn
Cái Nhum, huyện Mang Thít đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch, ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 860/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị; Thông tư 16/2013/TT-BXD 16/10/2013 của Bộ xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2794/TTr-SXD, ngày 14/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. Phạm vi ranh giới, giai đoạn lập quy hoạch

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Vị trí, giới hạn khu vực lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích thị trấn Cái Nhum với tổng diện tích khoảng 1.615,79ha (tương đương 16,16km²), có giáp giới như sau:

- + Phía Đông giáp xã Chánh An, xã An Phước huyện Mang Thít
- + Phía Tây giáp xã Bình Phước và xã Nhơn Phú huyện Mang Thít
- + Phía Nam giáp sông Măng Thít, xã Tân An Hội huyện Mang Thít
- + Phía Bắc giáp xã Nhơn Phú, xã An Phước huyện Mang Thít

2. Giai đoạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2025, dài hạn đến năm 2030.

II. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch:

1. Mục tiêu

- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mang Thít và quy hoạch vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Xây dựng định hướng phát triển không gian thị trấn Cái Nhum đến năm 2030 là đầu mối giao lưu kinh tế, xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy đô thị hóa, thu hút đầu tư, phát triển bền vững, nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị về sử dụng đất đai, kiến trúc cảnh quan, cơ sở hạ tầng, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Làm cơ sở để triển khai các quy hoạch chi tiết xây dựng, lập dự án đầu tư và thực hiện đầu tư theo quy hoạch được duyệt.

2. Tính chất

- Là đô thị loại V của tỉnh.

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, thương mại dịch vụ của huyện Mang Thít.

- Vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Mang Thít.

III. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu

1. Dự báo quy mô dân số, đất đai

a) Dự báo quy mô dân số:

Hiện trạng dân số khu vực lập quy hoạch là 14.543 người (theo Niên giám thống kê huyện Mang Thít là 10.863 người, dân số tạm trú quy đổi khoảng 3.680 người).

- Dự báo dân số đến năm 2025 khoảng 17.856 người (với dự báo tỷ lệ tăng tự nhiên 1% và tỷ lệ tăng cơ học 5%).

- Dự báo dân số đến năm 2030 là 23.639 người (với dự báo tỷ lệ tăng tự nhiên 1% và tỷ lệ tăng cơ học 5%).

b) Dự báo quy mô đất đai:

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị bình quân 150-250m²/người, trong đó đất dân dụng bình quân toàn đô thị 70 - 100m²/người.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 268ha-446ha, đến năm 2030 khoảng 355ha-591ha.

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Các chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của đồ án phù hợp theo nhiệm vụ quy hoạch được duyệt và tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD quy định (theo tiêu chí đô thị loại V).

IV. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Nội dung	Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	1.615,79	100	1.615,79	100
	Tổng dân số (người)	17.856		23.639	
A	Đất xây dựng đô thị (I+II)	263,47	16,3	447,73	27,7
I	Đất dân dụng	174,26	10,8	236,40	14,6
1	Đất đơn vị ở	85,07		99,96	
2	Đất dịch vụ-công cộng đô thị	8,11		10,24	
3	Đất trường học	7,66		10,27	
4	Đất hỗn hợp	60,23		99,02	
5	Đất cây xanh	13,19		16,91	
II	Đất ngoài dân dụng	89,22	5,5	211,33	13,1
1	Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo	1,46		1,46	
2	Đất cơ quan	5,86		5,96	
3	Đất y tế	2,09		2,20	
4	Đất tôn giáo, di tích	2,58		2,58	
5	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,16		5,73	
6	Đất cây xanh, thể dục thể thao	5,91		5,91	
7	Đất an ninh quốc phòng	0,28		11,92	

TT	Nội dung	Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
8	Đất giao thông	69,32		175,01	
9	Đất nghĩa trang (nghĩa địa nhân dân)	0,56		0,56	
B	Đất khác	1.352,31	83,7	1.168,06	72,3
1	Đất dự trữ phát triển	329,70		251,16	
2	Đất nông nghiệp	251,14		251,14	
3	Đất ở làng xóm	522,21		522,21	
4	Đất hành lang tuyến điện 500KV	10,79		10,79	
5	Mặt nước	132,76		132,76	
6	Đất giao thông nông thôn	105,71		-	

V. Định hướng phát triển không gian

Hướng phát triển không gian đô thị từ trung tâm thị trấn hiện hữu mở rộng thêm phần còn lại của thị trấn khoảng 1.389,53ha (là diện tích xã Chánh Hội cũ) về phía Đông, Tây, Bắc, hình thành các khu dân cư, khu đô thị mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển của đô thị.

Cấu trúc không gian đô thị được hình thành trên trục giao thông chính là đường tỉnh 903, đường tỉnh 907, đường vành đai 1, vành đai 2 và đường trục chính đô thị. Vuông góc và song song với các đường trục chính nêu trên là các trục giao thông liên kết khu vực kết nối phần mở rộng khu đô thị phía Đông với phía Tây, gắn kết phần đô thị mở rộng với phần đô thị hiện hữu.

VI. Định hướng phát triển các phân vùng và thiết kế đô thị

1. Định hướng phát triển các phân vùng

Khu quy hoạch được chia thành 3 phân vùng lớn như sau:

- Vùng lõi đô thị (gồm nhóm 1, nhóm 2, và một phần nhóm 4 giáp với nhóm 1): Là khu vực đô thị hiện hữu, trung tâm hành chính huyện, định hướng phát triển mở rộng lõi đô thị về phía nhóm 4; Tập trung phát triển thương mại - dịch vụ công cộng đô thị, khu thể dục thể thao, công viên cây xanh, khu đô thị mới (tại nhóm 4), các khu đất hỗn hợp, khu dân cư mới và khu ở hiện trạng cải tạo chỉnh trang,...

- Vùng đô thị chuyên tiếp (gồm một phần các nhóm 3, nhóm 4, nhóm 5): Giới hạn bằng đường vành đai 2 và đường trục chính đô thị đối ngoại, là khu vực đô thị chuyên tiếp nhằm phục vụ cho nhu cầu ở của người dân do tăng dân số; Phân khu quy hoạch phần lớn là đất dự trữ phát triển, đất hỗn hợp, đất trường học, công cộng đô thị, các khu dân cư mới, khu dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang,...

- Vùng ngoại vi của thị trấn (gồm nhóm 6 và phần còn lại của nhóm 3, 4, 5): Là khu vực kết nối giữa đô thị và nông thôn, chủ yếu phát triển nông nghiệp đô thị, đất ở làng xóm, đất dự trữ phát triển; Ngoài ra quy hoạch định hướng bố trí các tuyến trục đường chính đô thị đối ngoại và đường liên khu vực nhằm kết nối vùng ngoại vi của thị trấn với các khu vực lân cận.

2. Định hướng thiết kế đô thị

Cảnh quan đô thị thị trấn Cái Nhum phát triển từ trung tâm đô thị hiện hữu và mở rộng phát triển lan tỏa về các hướng, theo địa hình cảnh quan tự nhiên của các con sông lớn như sông Măng Thít, sông Cái Nhum, sông Chánh Thuận, sông Rạch Đồi và Cái Bát,...; Sông rạch giữ vai trò quan trọng trong không gian đô thị, khai thác tối đa yếu tố mặt nước trong bố cục cảnh quan và bố trí các công viên cây xanh phục vụ hoạt động vui chơi giải trí kết hợp du lịch. Tổ chức đa dạng các không gian cảnh quan theo chức năng, vị trí và hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của đô thị.

Đường tỉnh 903, đường tỉnh 907, đường vành đai 1, vành đai 2 và đường trục chính đô thị quy hoạch là các trục động lực của đô thị, định hướng bố trí các quỹ đất có chức năng hỗn hợp, công cộng đô thị dọc hai bên các trục đường này nhằm tạo quỹ đất kêu gọi đầu tư.

Hệ thống các không gian mở (gồm các công trình văn hóa, thể dục thể thao, công viên, cây xanh,...): Là nơi diễn ra các hoạt động của cộng đồng, là các không gian giao tiếp và liên kết cộng đồng. Quy hoạch bố trí các công viên cây xanh tập trung tại các khu vực định hướng phát triển khu đô thị mới, ven sông Mang Thít, phía trước trung tâm hành chính huyện và trung tâm y tế huyện,... nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho người dân.

VII. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

1. Trụ sở cơ quan hành chính

Khu hành chính huyện: Trụ sở cơ quan Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện và các ban ngành trực thuộc tại vị trí hiện trạng.

Quy hoạch mới khu đất có diện tích khoảng 2,9ha giáp đường tỉnh 903 định hướng là khu tập trung các cơ quan ban ngành huyện.

Trụ sở UBND thị trấn: dời về vị trí nhóm 5 cặp đường huyện 32B (tại vị trí Trụ sở UBND xã Chánh Hội cũ), quy mô khoảng 0,27ha.

2. Văn hóa, thể dục thể thao, công viên cây xanh

Khu công viên văn hóa thể dục thể thao huyện, vị trí nằm trên đường Hùng Vương, giữ nguyên theo hiện trạng và quy hoạch được duyệt năm 2019 (diện tích khoảng 5,9ha).

Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện vị trí nằm trên đường Nguyễn Trãi giữ nguyên theo hiện trạng và quy hoạch được duyệt năm 2019 (diện tích khoảng 1,69ha).

Công trình công viên, cây xanh: Giữ theo hiện trạng và quy hoạch được duyệt năm 2019, ngoài ra còn định hướng quy hoạch quỹ đất công viên, cây xanh tại khu đô thị mới và khu dân cư mới, với diện tích đến năm 2025 khoảng 13,19ha và đến năm 2030 khoảng 16,9ha.

3. Thương mại

Khu chợ bách hóa (khoảng 956,7m²) và khu chợ cá, chợ nông sản (khoảng 5920m²) tại đường Quảng Trọng Hoàng và đường bờ kè sông Măng Thít, được giữ nguyên hiện trạng và quy hoạch được duyệt năm 2019.

4. Y tế

Trung tâm y tế huyện hiện trạng nằm ở vị trí gần vòng xoay ngã 5 diện tích khoảng 1,98ha. Ngoài ra còn có 2 trạm y tế ở khóm 4 cạnh đường tỉnh 903 diện tích khoảng 1.052m² và tại khóm 5 cạnh đường Huyện 32B diện tích khoảng 1.115,9m².

5. Giáo dục

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, vị trí nằm cạnh đường 3/2, khóm 1, hiện trạng diện tích khoảng 8.140,8m².

Trung tâm chính trị huyện Mang Thít, vị trí tại khóm 4, diện tích khoảng 6.445m².

Các công trình giáo dục hiện trạng và quy hoạch mới giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt năm 2019, ngoài ra quy hoạch bố trí quỹ đất trường học mới khoảng 2ha và mở rộng thêm một số trường để đảm bảo phục vụ cho dân số đô thị trong tương lai.

6. Các khu đất dịch vụ - công cộng đô thị khác và đất hỗn hợp

Quy hoạch mới các khu đất dịch vụ - công cộng đô thị và đất hỗn hợp nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển của đô thị, cụ thể như:

- Các khu đất dịch vụ - công cộng đô thị thuộc khóm 2, khóm 4 (vị trí khóm 2 khoảng 1,82ha, khóm 4 khoảng 6,6ha).

- Các khu đất hỗn hợp dọc theo các trục đường chính đô thị, bờ kè sông Măng Thít, đường vành đai 1,... nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư, với quy mô khoảng 60,23ha (đến năm 2025) và khoảng 99,02ha (đến năm 2030).

VIII. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1. Quy hoạch cao độ nền và hệ thống thoát nước mặt:

a) Cao độ nền: Cao độ san nền đảm bảo $\geq +2.5m$ theo cao độ Nhà nước năm 2008. Định hướng cao độ nền các khu vực phát triển mới gắn kết hài hòa với cao độ nền khu vực đô thị hiện hữu, đảm bảo thoát nước mưa tự chảy.

b) Thoát nước mặt: Mạng lưới thoát nước mưa phân bố đều trên phạm vi quy hoạch, bảo đảm không bị ngập úng cục bộ, phân bố hướng thoát ra các sông rạch gần nhất.

2. Giao thông

a) Đường bộ:

- Các trục đối ngoại chính:

- + Đường Tỉnh 903 (ĐT903) có lộ giới 24m (6-12-6);
- + Đường Tỉnh 907 (ĐT907) có lộ giới 30m (6-8-2-8-6) và 24m (6-12-6);
- + Đường Huyện 32B có lộ giới 24m (6-12-6);
- + Đường Huyện 31B có lộ giới 24m (6-12-6);
- + Đường Hùng Vương có lộ giới 28m (6-7-2-7-6),
- + Đường 3/2 có lộ giới 20m (4-12-4);
- + Đường chính đô thị đối ngoại lộ giới 28m (6-7-2-7-6);

- Đường cấp đô thị (đường trục chính đô thị):

- + Đường vành đai 1 có lộ giới 28m (6-7-2-7-6);
- + Đường vành đai 2 có lộ giới 28m (6-7-2-7-6);
- + Đường trục chính đô thị (điểm đầu từ đường Vành đai 2 -Khóm 4, điểm cuối là vòng xoay ngã tư vị trí thuộc ranh Khóm 2 và 3, có lộ giới 28m (6-7-2-7-6);

- Đường cấp khu vực: Là các đường ký hiệu D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, N2, N3, N4,.... có lộ giới từ 13m đến 28m;

- Và một số đường quy hoạch có mặt đường $\geq 5m$, vỉa hè $\geq 3m$.

b) Đường thủy:

- Sông Măng Thít: rộng trung bình 250m, đoạn đi ngang thị trấn dài khoảng 2,0km

- Sông Cái Nhum: rộng trung bình khoảng 65m, đoạn qua thị trấn có chiều dài khoảng 4,0km

- Sông Chánh Thuận, sông Rạch Đồi, sông Cái Bát, sông Mù U Lớn và hệ thống kênh, mương dày đặc thuận lợi cho việc đi lại và giao lưu hàng hóa từ trung tâm huyện đi đến các xã và các nơi khác trong vùng.

c) Các công trình giao thông khác:

- Bến xe: Bố trí một bến xe khách ở phía Bắc thị trấn, nằm giáp đường huyện 32B.

- Bến tàu khách: Xây dựng, nâng cấp bến tàu khách tại vị trí bến chợ Cái Nhum.

- Bến phà: Giữ theo hiện trạng tại vị trí khóm 1 cuối đường tỉnh đường tỉnh 907 cặp sông Măng Thít.

- Bãi đậu xe công cộng đô thị: Được bố trí tại khóm 4 tại vị trí giao giữa đường tỉnh 907 và đường trục chính đô thị (ngoài ra việc bố trí đất bãi đậu xe công cộng sẽ được tính toán cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết).

3. Cấp điện

- Nguồn điện: Hiện trạng thị trấn Cái Nhum đang được cấp điện từ lưới điện 22KV của trạm biến áp 110/22KV Vũng Liêm - công suất 2x25MVA.

- Hệ thống đường dây điện trung thế với điện áp 22kV dự kiến bố trí đi nổi (tùy điện kiện có thể đi âm dưới vỉa hè). Hệ thống đường dây điện hạ thế và chiếu sáng xây dựng mới quy hoạch đi ngầm, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm.

4. Viễn thông: Hệ thống cáp thông tin được bố trí hợp lý trên nguyên tắc tiến tới ngầm hóa.

5. Cấp nước

- Tổng lưu lượng cấp nước tính toán đến năm 2025 khoảng 5.100m³/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 6.630m³/ngày đêm.

- Nguồn nước cấp cho nhà máy nước được lấy từ nguồn nước mặt sông Măng Thít và sông Cái Nhum. Di dời nhà máy cấp nước hiện trạng ở khóm 1 tới vị trí mới về phía Bắc có công suất 5.000m³/ngày đêm; định hướng mở rộng và nâng công suất của nhà máy cấp nước hiện trạng tại khóm 4 (xã Chánh Hội cũ) lên công suất 2.000m³/ngày đêm và nhà máy cấp nước tại khóm 5 (xã Chánh Hội cũ) lên công suất 3.000m³/ngày đêm.

6. Thoát nước thải

- Dự báo tổng nhu cầu thoát nước thải tính toán đến năm 2025 khoảng 3.830m³/ngàyđêm, đến năm 2030 khoảng 5.050m³/ngày đêm.

- Quy hoạch bố trí hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa riêng biệt; Nước thải sinh hoạt, nước thải từ sản xuất và y tế đều được xử lý trước đạt chuẩn về môi trường trước khi thải hệ thống thoát nước chung của đô thị. Chỉ tiêu phát sinh nước thải bằng 80% lượng nước cấp.

- Định hướng nước thải sinh hoạt được thu gom về khu xử lý nước để xử lý đạt chuẩn loại A về môi trường trước khi thải ra sông, rạch. Giai đoạn đầu khi chưa có nhà máy xử lý nước thải, quy hoạch bố trí 02 khu xử lý nước thải tại khóm 6 với công suất khoảng 3.000 m³/ngàyđêm và tại khóm 1 với công suất khoảng 2.500 m³/ngàyđêm, về lâu dài khi có dự án nhà máy xử lý nước thải tập trung thì nước thải sinh hoạt của đô thị sẽ được thu gom về khu xử lý nước thải tại khóm 6 với tổng công suất khoảng 5.500m³/ngàyđêm.

7. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Quản lý chất thải rắn: Dự báo lượng rác thải phát sinh đến năm 2025 khoảng 14,3tấn/ngày, đến năm 2030 khoảng 18,9 tấn/ngày. Rác thải được thu gom hàng ngày và được vận chuyên đến Khu liên hợp xử lý rác Hòa Phú, huyện Long Hồ xử lý theo quy định.

- Nghĩa trang nhân dân thị trấn Cái Nhum có 2 khu: một khu của huyện nằm ngoài thị trấn Cái Nhum, thuộc xã Tân An Hội (gần nghĩa trang liệt sĩ huyện Mang Thít), và một khu theo hiện trạng tại vị trí khóm 6 diện tích khoảng 5.631m² nằm cấp đường huyện 31B là nghĩa địa nhân dân cụm xã được giữ nguyên theo hiện trạng.

IX. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Giữ lại tối đa các kênh rạch hiện trạng, các khu dân cư, khu đô thị mới được bố trí hợp lý bao quanh các khu công viên cây xanh tập trung nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, hạn chế được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường do đô thị hóa.

- Giải pháp cụ thể cho hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hệ thống đường dây điện cao thế: Có bố trí hành lang an toàn dọc theo tuyến điện 500KV.

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt phải qua xử lý tại các hầm tự hoại của công trình để xử lý sơ bộ mới được thoát vào hệ thống công chung đưa về khu xử lý nước thải tập trung của đô thị, tại đây nước thải sau khi xử lý lần 2 phải đảm bảo đạt chuẩn loại A về môi trường mới được phép xả ra sông, rạch. Nước thải từ sản xuất, y tế sau xử lý phải đạt chuẩn loại A về môi trường trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của đô thị.

Chất thải rắn: Rác thải được thu gom hàng ngày và được vận chuyển đến nơi tập trung xử lý rác theo đúng quy định.

- Quy hoạch theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu, giữ lại tối đa diện tích cây xanh, mặt nước. Cần xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước, tăng khả năng tiêu thoát nước. Đồng thời, quy hoạch đô thị cũng cần phải hướng tới các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển giao thông công cộng, xây dựng công trình xanh, phát triển năng lượng tái tạo, thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn,...

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

- Trong giai đoạn triển khai thực hiện, các dự án được lập báo cáo đánh giá môi trường để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

X. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

1. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư các dự án đường giao thông động lực như: Các tuyến đường trục chính đô thị, đường vành đai 1, vành đai 2, đường trục chính đô thị đối ngoại và một số tuyến đường cấp khu vực tại vùng lõi (*danh mục cụ thể theo thuyết minh quy hoạch*).

- Đầu tư các khu dân cư, tái định cư và nhà ở xã hội khóm 1 (khoảng 9,02 ha)

- Kêu gọi đầu tư thực hiện các dự án và khu đô thị mới.

2. Nguồn lực để thực hiện: Ngân sách Trung ương, địa phương và huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp khác.

(Đính kèm Quy định quản lý).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao UBND huyện Mang Thít phối hợp Sở Xây dựng tổ chức công bố quy hoạch được duyệt đảm bảo thời gian theo quy định; triển khai cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa theo quy định hiện hành; giám sát việc triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, mọi việc điều chỉnh khác so với quy hoạch được duyệt phải lập thủ tục điều chỉnh theo quy định hiện hành.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND huyện Mang Thít cập nhật đồ án điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít đến năm 2030 vào quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Vĩnh Long và huyện Vũng Liêm kỳ tiếp theo.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít và Thủ trưởng các Tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.24.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệt